

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/07/2021

“V/v Không công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trương Vĩnh Mai

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột*: Ông Phạm Việt Bắc – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2021 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Ngũ đơn*: Bà Trần Thị H-SN:1981 (Có mặt)

Địa chỉ: 32 Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn*: Ông Vũ Văn H -SN:1972 (Có mặt)

Địa chỉ: 363/4 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Vũ Văn H có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 tại phường Tân Lập nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (Trước đó năm 2020 tôi đã làm đơn ly hôn nhưng không có giấy đăng ký kết hôn nên tôi đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án).

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, ông H hay ghen tuông vô cớ hai vợ chồng đã hòa giải nhưng không có

kết quả. Đỉnh điểm tôi dẫn 02 con ra ngoài sinh sống khoảng 01 năm nay và từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng là không còn nên tôi yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông H.

-Về con chung: Tôi và ông H có 03 con chung là:

- 1.Cháu Vũ Thị T-sinh ngày 08/9/2000.
- 2.Cháu Vũ Thị Thảo U-sinh ngày 08/9/2008
- 3.Cháu Vũ Nhật H-sinh ngày 22/4/2011

Hiện cháu T và cháu U đang ở với tôi nên khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U đến tuổi thành niên con tôi đồng ý giao cháu H cho ông H đến năm 18 tuổi, còn cháu T đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và bà H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và bà H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Vũ Văn H trình bày:

Tôi đồng ý với lời trình bày của bà H.

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị H có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 tại phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột. Sau khi cưới thì tôi nhớ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lập vào khoảng tháng 06/2003, còn giấy đăng ký kết hôn tôi để thất lạc ở đâu nên không cung cấp cho Tòa án được.

-Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống không có mâu thuẫn nhiều chỉ khi tôi bị tai nạn nên bà H không chăm sóc vì vậy tôi có bức tức ghen tuông và có chửi bới bà H. Đỉnh điểm vợ tôi dẫn 02 con ra ngoài sinh sống khoảng hơn 01 năm nay và từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng là vẫn còn nên tôi không đồng ý ly hôn với bà H.

-Về con chung: Tôi và bà H có 03 con chung là:

- 1.Cháu Vũ Thị T-sinh ngày 08/9/2000.
- 2.Cháu Vũ Thị Thảo U-sinh ngày 08/9/2008
- 3.Cháu Vũ Nhật H-sinh ngày 22/4/2011

Hiện cháu T và cháu U đang ở với vợ tôi nếu bà H cương quyết ly hôn thì khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu H đến năm 18 tuổi và đồng ý giao cháu U cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu T đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và bà H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và bà H tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện không công nhận vợ chồng của bà Trần Thị H và đề nghị giao cháu Vũ Thị Thảo U-sinh ngày 08/9/2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Vũ Nhật H-sinh ngày 22/4/2011 cho ông Vũ Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

* **Về thủ tục tố tụng:** Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Vũ Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Ông H cho rằng vào năm 2003 vợ chồng đã đi đăng ký kết hôn, tuy nhiên ông H không cung cấp được bản gốc giấy đăng ký kết hôn ngày 18/6/2003. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 1 đứng tên người khác và kiểm tra sổ năm 2003 thì không có thông tin ông H, bà H đăng ký kết hôn. Như vậy nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Vũ Văn H chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của bà Trần Thị H đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng với ông H là phù hợp với quy định của pháp luật vì bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H sống chung có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống chung giữa bà H và ông H không còn nữa nên không thể tiếp tục duy trì. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b, khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần tU bỏ không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H.

- Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H có 03 con chung: Cháu Vũ Thị T-sinh ngày 08/9/2000; cháu Vũ Thị Thảo U-sinh ngày 08/9/2008; cháu Vũ Nhật H-sinh ngày 22/4/2011.

Cháu T đủ tuổi thành niên nên không xem xét, cháu U đang ở với bà H, còn cháu H đang ở với ông H. Xét nguyện vọng của ông H được nuôi cháu H đến tuổi thành niên và nguyện vọng của bà H được nuôi cháu U đến tuổi thành niên và xét nguyện vọng của 02 cháu. Do vậy cần giao cháu Vũ Thị Thảo U-sinh ngày 08/9/2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Vũ Nhật H-sinh ngày 22/4/2011 cho ông Vũ Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi).

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 203, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị H

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Thảo U-sinh ngày 08/9/2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Vũ Nhật H-sinh ngày 22/4/2011 cho ông Vũ Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi).

Bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Vũ Văn H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0004014 ngày 12 tháng 5 năm 2021.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thột;
- CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- UBND P. Tân Lập
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ